

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HS-ST
Ngày: 13-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Thường**

Bà Võ Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn Chung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/3/2000 tại tỉnh T; Nơi cư trú: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị T; Bị cáo T có vợ tên Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm 2000, ngụ cùng địa chỉ với bị cáo, bị cáo có 02, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo được điều tra tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2- Phạm Văn T1, sinh năm 1982 tại tỉnh T; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị V; Bị cáo T có vợ tên Phạm Thị T, sinh năm 1982 (đã ly hôn), bị cáo có 02, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền sự: 01 lần: Ngày 21/10/2019, bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0003934/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng do có hành vi trộm cắp tài sản, chưa đóng phạt; Tiền án: 01 lần: Ngày 28/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt 09 tháng tù, tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST, chấp hành xong vào ngày

06/10/2020, chưa được xóa án tích; Bị cáo được điều tra tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Ông **Lê Văn A**, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T. (có mặt)

Anh **Nguyễn Tấn H**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Văn T1 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 15/11/2021, Nguyễn Minh T đang chơi tại nhà Nguyễn Văn C, sinh năm 1996, ĐKTT: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T thì gặp Phạm Văn T1 đến chơi. Tại đây, T rủ T1 đi trộm cắp mai vàng bán kiếm tiền chia nhau tiêu xài, Tèo đồng ý.

Đến 19 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại hỏi và biết được T1 đang ở nhà Đoàn Hữu Đ, sinh năm 2000, ĐKTT: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T nên điều khiển vỏ lãi đến nhà Đ và gặp T1 tại đây. T1 đi đến nhà anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1976 tại ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T (Cậu của T1) để lấy 01 cái sùn, 01 cưa cầm tay (dài khoảng 50 cm, cán và lưỡi bằng kim loại) và 01 đèn pin đội đầu mang đến nhà Đ.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, T điều khiển vỏ lãi chở T1 đi đến phần đất trồng khóm xen mai vàng tại ấp M, xã P, huyện T do ông Lê Văn A, sinh năm 1966, ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T làm chủ. T1 dùng sùn đào gốc mai và dùng cưa cắt nhánh, T phụ hốt đất. T1 và T trộm cắp tổng cộng 07 cây mai vàng để lên vỏ lãi chở đi, do xuồng nhỏ sợ bị chìm nên T1 và T lấy 03 cây mai giấu trong bụi cỏ cách hiện trường khoảng 1,5 km thuộc ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T. Sau đó, T và T1 chở 04 cây mai còn lại đến căn chòi bỏ hoang của ông Phạm Văn N, sinh năm 1950 tại ấp K, xã P, huyện T cất giấu thì bị Công an xã P thu giữ và đưa T1 về trụ sở làm việc.

Qua làm việc, T1 khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp mai vàng cùng với Nguyễn Minh T như đã nêu trên. Công an xã P chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T giải quyết theo thẩm quyền.

Thu giữ tang vật:

- 01 (một) cây mai vàng có chiều cao 1,8 mét, bề hoành góc 30 cm, rễ cây không bám đất, cành cắt ngắn, lá xanh tươi tốt.

- 01 (một) cây mai vàng có chiều cao 1,75 mét, bề hoành góc 30 cm, rễ cây không bám đất, cành cắt ngắn, lá xanh tươi tốt.

- 01 (một) cây mai vàng có chiều cao 1,76 mét, bề hoành gốc 30 cm, rễ cây không bám đất, cành cắt ngắn, lá xanh tươi tốt.

- 01 (một) cây mai vàng có chiều cao 1,5 mét, bề hoành gốc 35 cm, rễ cây không bám đất, cành cắt ngắn, lá xanh tươi tốt.

- 01 (một) cây mai vàng có chiều cao 1,77 mét, bề hoành gốc 32 cm, rễ cây không bám đất, cành cắt ngắn, lá xanh tươi tốt.

- 01 (một) cây mai vàng có chiều cao 1,67 mét, bề hoành gốc 29 cm, rễ cây không bám đất, cành cắt ngắn, lá xanh tươi tốt.

- 01 (một) cây mai vàng có chiều cao 1,67 mét, bề hoành gốc 26 cm, rễ cây không bám đất, cành cắt ngắn, lá xanh tươi tốt.

- 01 (một) chiếc xuồng nhựa composite, dài 05 mét, rộng 01 mét bên ngoài màu xanh, bên trong màu trắng,

- 01 (một) động cơ có gắn cánh quạt hiệu VANGUARD 06HP màu đỏ đen.

- 01 (một) đèn pin đội đầu, màu vàng xanh, không dây.

- 01 (một) cây sủn bằng kim loại, kích thước dài 130 cm, phần lưỡi dài 16 cm, rộng 9,5 cm, đều đã qua sử dụng.

Riêng đối với cái chĩa có đặc điểm nêu trên thì Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 358/KL-HĐĐGTS ngày 03/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện T xác định tổng giá trị của 07 cây mai bị trộm trên là 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại 07 cây mai cho ông Lê Văn A xong.

Riêng đối với chiếc xuồng và động cơ có đặc điểm nêu trên. Qua điều tra xác định đây là tài sản của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, ĐKTT: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T (cha T) làm chủ. Ngày 15/11/2021, T lấy xuồng trên đi trộm cắp tài sản của người khác ông T hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xuồng cho T.

Viện kiểm sát nhân dân ra quyết định chuyển đến Chi cục thi hành án Dân sự huyện T quản lý gồm: 01 cái sủn và 01 đèn pin có đặc điểm như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, ông Lê Văn A đã nhận lại tài sản là 07 cây mai vàng bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSTP ngày 04/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tc đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Phước để xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định: Vào khoảng 23 giờ ngày 15/11/2021, tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T. Bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Văn T1 đã có hành vi trộm cắp 07 cây mai vàng của ông Lê Văn A có tổng trị giá là 4.800.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Văn T1 phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Do đó có cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Văn T1 đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 09 đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 09 đến 12 tháng tù; xử lý vật chứng của vụ án và các bị cáo phải chịu án phí theo qui định.

Các bị cáo thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Người bị hại thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, của Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, tình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Văn T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là vào khoảng 23 giờ ngày 15/11/2021, tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T. Bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Văn T1 đã có hành vi trộm cắp 07 cây mai vàng của ông Lê Văn A có tổng trị giá là 4.800.000 đồng thì bị phát hiện bắt giữ, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại.

Lời thừa nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng trong vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở để kết luận, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Văn T1 đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, nên bản cáo trạng số 16/CT-VKSTP ngày 04/5/2022

của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Văn T1 về tội danh và hình phạt đã nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại Lê Văn A, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây tư tưởng hoang mang lo sợ việc bị trộm cắp tài sản trong nhân dân. Bản thân các bị cáo nhận thức được rằng, hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản chất chạy lười lao động, chỉ muốn có tiền để tiêu xài bằng cách toan tính chiếm đoạt tài sản của người khác, nên các bị cáo bất chấp tất cả để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo phạm tội với quyết tâm cao, có sự chuẩn bị, toan tính từ trước, lợi dụng đêm tối để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị 4.800.000 đồng là không lớn, nhưng đó cũng là giá trị công sức lao động mà bị hại phải bỏ ra trong một thời gian mới có được. Các bị cáo là những thanh niên trong xã hội, lẽ ra các bị cáo phải học hỏi những điều hay, lẽ phải và tích cực lao động để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng với bản chất tham lam, chạy lười lao động, thích hưởng thụ mà không phải bỏ ra công sức lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội của mình. Xã hội đang lên án những hành vi, việc làm như các bị cáo. Do đó cần áp dụng một mức hình phạt thật thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để có thời gian giáo dục, cải tạo bản thân bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng tài sản hợp pháp của người khác, đồng thời để làm thức tỉnh những ai đang mang tư tưởng chiếm đoạt tài sản của người khác như các bị cáo.

[4] *Xét về tính chất đồng phạm trong vụ án:* Qua điều tra và diễn biến tại phiên tòa hôm nay xác định đây là vụ án có đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Bởi trước khi thực hiện tội phạm các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng mà cùng xuất phát từ ý thức muốn chiếm đoạt tài sản của bị hại để bán lấy tiền tiêu xài và sau đó cũng không có việc phân công công việc sau khi đã thực hiện hành vi phạm tội.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:*

Bị cáo Nguyễn Minh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Phạm Văn T1 có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Minh T là người giữ vai trò chính, bị cáo là người rủ rờ bị cáo T1 trộm cắp tài sản, chuẩn bị phương tiện và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó bị cáo phải chịu hình phạt cao trong vụ án và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo bởi bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án, lượng hình.

Đối với bị cáo Phạm Văn T1 trong vụ án này bị cáo là đồng phạm với vai trò là người giúp sức cùng thực hiện tội phạm. Khi bị cáo T rủ đi trộm tài sản thì bị cáo đồng ý ngay, chuẩn bị công cụ để thực hiện tội phạm và cùng bị cáo T thực hiện tội phạm. Khi chiếm đoạt được tài sản thì cùng có hành vi cất giấu tài sản và tìm cách tiêu thụ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, cũng thể hiện tính quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng. Bản thân bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, bị xử phạt hành chính, chưa chấp hành và có 01 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo vẫn không từ bỏ thói hư tật xấu, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo có thấp hơn so với bị cáo T, đáng lẽ ra bị cáo phải chịu hình phạt thấp hơn với bị cáo T, tuy nhiên do bị cáo đã có 01 tiền sự và 01 tiền án về hành vi trộm cắp nên cần thiết xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc và ngang bằng với bị cáo T và cũng cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo bởi sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Cha bị cáo là thương binh đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án, lượng hình.

[6] *Về vật chứng của vụ án:* Còn lại 01 (một) đèn pin đội đầu, màu vàng xanh, không dây và 01 (một) cây sủn bằng kim loại, kích thước dài 130 cm, phần lưỡi dài 16 cm, rộng 9,5 cm, đều đã qua sử dụng.

Xét thấy đây tài sản của anh Nguyễn Tấn H, các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, anh H không biết. Anh H không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại ông Lê Văn A đã nhận các cây mai vàng không có yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn gì nên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người có liên quan Nguyễn Văn T và Nguyễn Tấn H cũng không có yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn gì nên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Tấn H không biết T, T1 lấy xuống máy và cưa, sủn, đèn pin của mình đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nên việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xử lý hình sự T, H với vai trò đồng phạm là có căn cứ.

[9] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh, hình phạt, Hội đồng xét xử có ghi nhận khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Văn T1 đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về vật chứng:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đèn pin đội đầu, màu vàng xanh, không dây và 01 (một) cây sủn bằng kim loại, kích thước dài 130 cm, phần lưỡi dài 16 cm, rộng 9,5 cm, đều đã qua sử dụng.

Tất cả số vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh T đang tạm giữ. Thực hiện việc tịch thu tiêu hủy khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- CAND huyện Tân Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh

